

Bản án số: 86/2019/HSPT

Ngày: 18-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

TTT phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*
Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17,18/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 92/TLPT-HS ngày 02 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo TNT và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo TNT, TNP, TVH, VTH, TQT, HDM, PVG, NVV, HDM, TVK, NVĐ, NVN, NVG, NVB, NVP, NVQ, NTH đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. TNT, sinh năm 1977; Tại: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: TND và bà: HTT; Vợ: NTG, có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

2. TNP, sinh năm 1988; Tại : TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông TND và bà HTT; Vợ: TTHT; Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 05/2016/HSPT ngày 12/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt TNP 02 năm 05 tháng về tội “ *Cố ý gây*

thương tích”. Ngày 13/02/2018 chấp hành xong bản án; Nhân thân: Bản án số 09 ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

3. VTH, sinh năm 1973; Tại: thôn QS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn QS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: VTL1 và bà: ĐTP1 ; Vợ: NTG2; Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 22/2006/HSST ngày 30/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt VTH 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc.

Bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

4. TVH, sinh năm 1993; Tại: thôn Đ, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn Đ, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: TVT1; và bà : NTL1; Vợ: HTH1; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Bản án số 51 ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Ngày 05/10/2017 chấp hành xong bản án.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018. được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

5. TQT, Tên gọi khác: TNT, sinh năm 1979; Tại: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: TNĐ và bà: HTT; Vợ: HTTT; Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 612 ngày 05/11/2008 của Tòa án nhân dân TTT phố BH, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Ngày 30/8/2010 chấp hành xong bản án.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện tại ngoại (có mặt).

6. HDM, sinh năm 1966; Tại: thôn Q, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn QS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: HĐT1; và bà: ĐTG1; Vợ: HTT2; Có 04 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 236 ngày 01/10/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 5 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm về tội “Mua bán phụ nữ”; Bản án số 167 ngày 28/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “*Không cứu giúp đang ở trong NVT trạng nguy hiểm đến tính mạng*”; Bản án số 08 ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 19 tháng 18 ngày về tội “*Đánh bạc*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

7. NVP, sinh năm 1975; Tại: Tổ dân phố L1, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: tổ dân phố L1, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVV1; Và bà: NTS1; Vợ: PTH1; Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 22/2006/HSST ngày 30/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “*đánh bạc*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

8. PVG, sinh năm 1976; Tại: thôn NS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn NS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: PVM1; Và bà: PTB1; Vợ: NTL1; Có 01 con sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 77 ngày 05/9/2011 của Công an huyện YD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Gây tổn hại sức khỏe người khác*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

9. NVV, sinh năm 1962; Tại: thôn TL, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn TL, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVT2; Và bà: HTS2; Vợ: NTĐ2; Có 03 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 06/2013/HSST ngày 11/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 18 ngày về tội “*Đánh bạc*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

10. NVB, sinh năm 1976; Tại: thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVH2; Và bà: CTL2; Vợ: NTH2; Có 02 con, lớn sinh năm 1995; nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Bản án số 37/2009/HSST ngày 17/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 24 ngày về tội “*Đánh bạc*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

11. HDH, sinh năm 1993; Tại: thôn Q, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn QS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: HDC2; Và bà: ĐTH2; Vợ: BTN2; Có 02 con, lớn sinh năm 2011; nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Bản án số 74/2015/HSST ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 2 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm 6 tháng về tội “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

12. TVK, sinh năm 1970; Tại: TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: A đường NCH, phường TNH, TTT phố BG, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: TVQ2; Và bà: TTN2; Vợ: NTP2; Có 02 con, lớn sinh năm 1998; nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88 ngày 20/9/2007 của Công an TTT phố BG xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

+ Bản án số 08 ngày 19/11/1998 của TAND huyện LG xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Đánh bạc*”(chấp hành xong bản án ngày 24/9/2010 theo BB xác minh có Quyết định đình chỉ số 90 ngày 24/9/2010, đình chỉ số tiền phạt bổ sung 1 triệu)

+ Bản án số 61/2013/HSST ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện VY xử phạt 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 1 năm 8 tháng 20 ngày về tội “*đánh bạc*”. Chấp hành xong án phí, tiền phạt vào ngày 22/11/2013

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

13. NVĐ, sinh năm 1972; Tại: TDP2, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDP2, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVC3; Và bà: NTH3; Vợ: NTB3; Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Nhân thân:

+ Bản án số 06 ngày 29/4/1992 của Tòa án nhân dân huyện YD xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân*”.

+ Bản án số 66 ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Ngày 30/8/2010 chấp hành xong bản án.

Bị bắt quả tang ngày 20/3/2018, bị tạm giữ từ ngày 21/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

14. NVN, sinh năm 1974; Tại: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông : NVT4; Và bà: CTN4; Vợ: VTL4; Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 06/12/2010 Công an huyện YD xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc*”.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

15. NVG, sinh năm 1977; Tại: thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông NVM5; Và bà: ĐTĐ5; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

16. NVQ, sinh năm 1961; Tại: thôn BT, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn BT, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVH1; Và bà: VTC1; Vợ: CTD; Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Nhân thân: Bản án số 1482 ngày 19/10/1994 của Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 16 năm tù về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*” và 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”. Buộc NVQ phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 17 năm tù. Năm 2005 chấp hành xong bản án.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

17. NTH, sinh năm 1981; Tại TDPPM, phường DK, TPBG, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: TDPPM, phường DK, TPBG, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: NVH6; Và bà: GTN; Vợ: NTH6; Có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 106 ngày 30/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện LG xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc.

Bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có một số bị cáo khác và người có TVQ lợi nghĩa vụ liên quan, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 19/3/2018, TNT, sinh năm 1977 ở TDPH, TTDD, huyện YD nảy sinh ý định tổ chức cho mọi người đánh bạc ở tầng hầm của nhà mình, đã chuẩn bị 04 tấm thảm nỉ và 36 ghế nhựa các loại để ở dưới tầng hầm để mọi người ngồi đánh bạc. Sau đó, TNT bảo em ruột là TNP, sinh năm 1988 và TQT, sinh năm 1979 ở cùng tổ dân phố đến phục vụ cho sới bạc của TNT, nhiệm vụ của TNP được TNT giao có trách nhiệm đứng ở cửa cầu thang (cửa cầu thang đi từ phòng khách xuống tầng hầm) đóng mở cửa ở khu vực cầu thang cho những người đến vào đánh bạc, còn TQT làm nhiệm vụ thu tiền hồ và làm hồ lý tại sới bạc (thu tiền của người thua trả cho người thắng); Để bảo vệ sới bạc, TNT thuê TTT, sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú A, phường HL, TTT phố ĐBP, tỉnh Điện Biên, hiện đang ở TDPH, TTDD, huyện YD; TVH, sinh năm 1993 ở thôn Đ, xã TA, huyện YD làm nhiệm vụ canh gác, canh giới bên ngoài, đóng mở cửa cho những người đến vào đánh bạc với tiền công của mỗi người là 200.000 đồng trên 01 ngày công; TNT thuê VTH, sinh năm 1973 ở thôn Q, xã QS, huyện YD làm nhiệm vụ xóc cái cho mọi người đánh bạc với tiền công là 500.000 đồng trên 01 ngày công. Sau khi thống nhất và thỏa thuận, chiều ngày 19/3/2018, TQT, VTH, TNP, TVH, TTT đến nhà TNT để làm nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của TNT, nhưng do TNT không tổ chức được người đến đánh bạc nên TNT bảo mọi người đi về, chiều ngày 20/3/2018 đến nhà TNT, do sợ ngày hôm sau VTH không đến xóc cái sẽ không tổ chức được sới bạc nên TNT trả trước cho VTH 500.000 đồng tiền công.

Khoảng 11 giờ ngày 20/3/2018, TNT gọi điện thoại cho HDB, sinh năm 1976 ở tổ dân phố L 2, TTDD, huyện YD và TVK, sinh năm 1970 A, đường

NCH, phường TNH, TPBG, tỉnh Bắc Giang đến nhà TNT ăn cơm. Sau khi mọi người ăn cơm xong thì VTH, TNP, TVH, TTT đến nhà TNT để làm nhiệm vụ theo sự phân công của TNT. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt có BVV, sinh năm 1976 ở thôn ĐP, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVĐ1, sinh năm 1968 và NVV, sinh năm 1962 đều ở thôn TL, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVQ, sinh năm 1961 ở thôn BT, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVĐ, sinh năm 1972 ở TDP2, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVN, sinh năm 1974 ở TDPH, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVP, sinh năm 1975 ở tổ dân phố L 1, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVT, sinh năm 1996 ở thôn D, xã HG, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; PNG, sinh năm 1987 ở thôn NS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NTH, sinh năm 1981 ở TDPPM, phường DK, TPBG, tỉnh Bắc Giang; NVG, sinh năm 1977 ở thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NTT, sinh năm 1981 ở số B, đường TN, TDP TN, phường TP, TPBG, tỉnh Bắc Giang; HDM, sinh năm 1966 ở thôn Q, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NSA, sinh năm 1993 ở thôn D, xã TĐ, huyện LG đi đến nhà TNT. Khoảng 14 giờ cùng ngày, TNT bảo mọi người đi xuống tầng hầm nhà TNT để đánh bạc và bảo TTT làm cảnh giới, đóng mở cửa khu vực ngoài cổng, TVH cảnh giới, đóng mở cửa khu vực trong nhà, TNP cảnh giới, đóng mở cửa khu vực tầng hầm rồi TNT lấy 01 bát sù, 01 đĩa sù và lấy lá bài chắn cắt TTT 04 quân vị đưa cho VTH để xóc cái cho mọi người đánh bạc. VTH ngồi ở vị trí đầu tám thăm nỉ xóc cái, còn TVK, HDB, BVV, NVĐ1, NVV, NVQ, NVĐ, NVG, NVP, PNG, NVN, NTH, HDM, NTT ngồi TTT 2 hàng dọc bên trái và bên phải VTH để đánh bạc. NSA và NVT không đánh bạc, nhưng NVT ngồi xem có ai cầm cố tài sản, vay tiền đánh bạc thì NVT sẽ cầm cố tài sản hoặc cho vay tiền để mọi người đánh bạc.

Cách thức đánh bạc được quy định như sau: VTH ngồi ở giữa và quy ước bên tay trái VTH là cửa lẻ, bên tay phải VTH là cửa chắn. VTH cho 04 quân vị vào trong đĩa sù và dùng bát sù đập kín lại rồi xóc đều lên (gọi là xóc cái), khi xóc cái xong thì mọi người đặt tiền vào cửa chắn hoặc cửa lẻ để đánh bạc với nhau, nếu cửa lẻ đặt nhiều tiền hơn cửa chắn thì những người đánh bạc ở cửa lẻ yêu cầu những người ở cửa chắn đặt thêm tiền cho bằng tiền với cửa lẻ, nếu không ai đặt thêm tiền thì những người ở cửa chắn yêu cầu những người ở cửa lẻ rút bớt tiền về cho bằng tiền với cửa chắn, hoặc ngược lại nếu cửa chắn đặt nhiều tiền hơn cửa lẻ thì cũng tương tự như trên. Sau khi mọi người đặt tiền ở cửa chắn hoặc cửa lẻ xong thì VTH mở bát sù nếu trong 4 quân vị có 02 quân hoặc 04 quân cùng màu thì gọi là chắn, nếu 3 quân cùng màu, 01 quân khác màu thì gọi là lẻ. Căn cứ vào kết quả đó, nếu là lẻ thì người đặt tiền ở cửa lẻ được tiền của người đặt cửa chắn, người đặt tiền ở cửa chắn sẽ mất số tiền đặt cược; nếu là chắn thì người đặt tiền ở cửa chắn được tiền của người đặt cửa lẻ, người

đặt tiền ở cửa lẻ sẽ mất số tiền đặt cược. HDM có lấy 01 tờ giấy A4, kẻ vẽ TTT 4 ô, ở ô thứ nhất HDM ghi chữ “ngựa tư”, ô thứ 2 ghi chữ “sấp 4”, ô thứ 3 ghi chữ sấp 1”, ô thứ tư ghi chữ “sấp 3” để làm bảng vị cho người chơi bảng vị đặt cược so với 4 quân vị khi mở bát, người nào đặt cược đúng ô chữ so với đúng quân vị khi mở bát sẽ được tiền đặt cược, người nào đặt không đúng ô chữ so với 4 quân vị khi mở bát sẽ thua và mất số tiền đặt cược cho HDM.

Trong khi mọi người đánh bạc thì lần lượt có HDB, sinh năm 1988; HDBH, sinh năm 1993 và HDT, sinh năm 1968 đều ở thôn Q, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; HVS, sinh năm 1971 ở thôn V, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVB, sinh năm 1976 ở thôn T, xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; NVH, sinh năm 1970 ở TDPH, TTDD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; TVQ, sinh năm 1983 ở thôn M, xã TY, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; TXH, sinh năm 1982 ở số A, đường TNT, phường MĐ, TPBG, tỉnh Bắc Giang và PVG, sinh năm 1976 ở thôn NS, xã QS, huyện YD, tỉnh Bắc Giang đến nhà TNT vào tham gia đánh bạc. Do lúc này TQT chưa đến nên TNT bảo mọi người nộp tiền hồ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng thì BVV, NVN, NVP, NVV, TVQ, NVN, NTH, NTT, TVK, HDM, HDT mỗi người đã bỏ ra 300.000 đồng; PVG và TXH mỗi người bỏ ra 200.000 đồng để ở dưới nỉ sau đó TNT bảo HDB lấy số tiền hồ thu được đưa cho TNT thì HDB cầm đếm được 3.700.000 đồng để vào hòm tôn gần đó và TNT đã cầm số tiền này cất giấu vào túi quần cùng lúc đó TQT đến làm hồ lý theo sự phân công của TNT, còn HDB vào tham gia đánh bạc; Trong khi đánh bạc, do bị thua bạc nên NVH đã vay của NVT 10.000.000 đồng, TVK, HDB, BVV, NVĐ1, NVV, NVQ, NVĐ, NVG, NVP, PNG, NVN, NTH, HDM, NTT, HDBH, HDBH, HDT, HVS, NVB, NVH, TVQ, TXH và PVG đánh bạc đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị phòng Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện đến vây bắt quả tang. TTT cảnh giới ở ngoài cổng đã bỏ chạy trốn thoát.

Tang vật thu giữ:

Thu trên chiếu bạc: 01 tấm kẻ ô màu đỏ, mặt sau màu đen, kích thước (2 x 4) mét; 02 tấm màu đỏ, kích thước khoảng (1,9 x 2,3) mét; 01 tấm nỉ có hoa văn màu đỏ rộng (1,7 x 2,2)m; 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen IMEI: 354481093415937 và 354481098415932; 01 chiếc điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh trắng; 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Model sau thân máy: A1779; 01 điện thoại di động Iphone màu đen bạc có số Model sau thân máy: A1688; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng số IMEI sau thân máy: 352005069838426; 04 mảnh đĩa sứ màu trắng; 09 mảnh bát sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn; 36 ghế nhựa các loại trong đó có 10 ghế nhựa loại ghế có dựa lưng và tổng số 14.555.000 đồng (BL 452-459).

Tạm giữ trên người của các đối tượng 456.835.000 đồng, 19 chiếc xe mô tô, 01 xe ô tô và 26 chiếc điện thoại di động các loại gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Pagio, màu đỏ, BKS: 98B3 - 025.81; 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, màu đen, BKS: 98B2 - 689.87; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, BKS: 98M3 - 6365, số máy F432 - VU221592, số khung RLSBE492060221592 và 2.590.000 đồng của TNT.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, BKS: 98N6 - 5544; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu đồng, số Imei 1: 352248121315294, Imei 2: 352248121315294 và 2.500.000 đồng của VTH.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, BKS: 98B2 - 919.67 và 5.885.000đ của TQT.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 867496027587874, Imei 2: 867496027587866 và 40.000 đồng của TVH

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đồng, số Imei 353257072098162 của BVV.

+ 350.000 đồng của HĐH.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Japan Motar, BKS: 60M5 - 2000; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu bạc nền xanh, số seri: 357657018510947 và 7.700.000đ của HĐH

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 98B2 - 582.61; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, màu đen, số Imei 013208002839342 và 3.900.000đ của HVS

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbale, BKS: 98B2 - 179.17; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số Imei 1: 862472038402077, Imei 2: 862472038402069 và 7.750.000đ của NVĐ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 1: 357766079335753/01, Imei 2: 357767079335751/01 và 800.000 đồng của NVN.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 355428070763986 và 19.370.000đ của NVP

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 98Y2 - 3812; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 013966006951914 và 3.000.000đ của NVB.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Vios, màu đen, BKS: 98A - 088.24; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8, màu đen, số Imei 1: 352711092260740/01, Imei 2: 352712092260748/01 và 18.200.000đ của NVĐ1

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 98B1 - 045.15; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei 352028071667211 và 11.100.000đ của NVH.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen viền đỏ, số Imei 1: 357492061396055, Imei 2: 357492061396063 và 1.600.000đ của NVQ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, số 35534508095959018; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 98B2 - 615.86 và 3.500.000đ của NVT.

+ 6.300.000đ của NVV.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu trắng xám, BKS: 98B1 - 069.88; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số 013336008080346; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus, màu đen, số Imei 1: 355545062542043, Imei 2: 355545062542050 và 400.000đ của PNG.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 98N6 - 0017; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đồng, số Imei 1: 352462076963715/01, Imei 2: 352463076963713/01 và 16.000.000đ của TVQ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2, số Imei 1: 3541110522451504, Imei 2: 354111052451512 và 20.100.000đ của TXH.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 98B1 - 709.48; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 1: 359601083694887/01, Imei 2: 359602083694885/01 của NVG.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310, màu đen, số Imei 1: 357300087080647, Imei 2: 357300087080654 và 163.100.000đ của NTH.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ và 10.000.000đ của Nguyễn Trọng TNT.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen số 355343089179050 và 14.500.000đ của TVK.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen bạc, BKS: 98N6 - 3905; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trắng, số sê ri: 356269010107663 và 56.000.000đ của HDM.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Model sau thân máy: A1779; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 98B1 - 967.82 và 18.200.000đ của HDT.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98B1 - 649.28; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 867675031497630, Imei 2: 867675031497622 và số tiền 6.550.000đ của PVG.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu HVS đen bạc, BKS: 98B3 - 111.05; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 1: 352158092142652/01, Imei 2: 352159092142650/01 và 24.100.000đ của HDB.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, màu đen, BKS: 98B2 - 815.55; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen và 33.300.000đ của NSA (BL 460-464).

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khám xét khẩn cấp nhà và nơi ở của TNT thu giữ:

+ 01 dao quắm cán gỗ; 01 dao kim loại; 04 quân vị màu đỏ đen trắng; 01 bát sứ màu trắng; 01 kéo chuỗi màu đen; 20 lá bài chắn.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu đen có số Model: A1778FCCIDBCG - E3091A (Không xác định được chủ sở hữu).

Ngày 04/4/2018, TTT đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú, cơ quan điều tra đã thu giữ của TTT 01 chứng minh nhân dân số 040282354 mang tên TTT.

Về số tiền đánh bạc các bị can khai nhận:

BVV khai có 2.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, bị thua bạc, Việt đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

HĐH khai có 2.850.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang Hà bị thua bạc 2.500.000 đồng, bị thu giữ 350.000 đồng là tiền đánh bạc, Hà chưa nộp tiền hồ.

HĐH khai có 3.700.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang HĐH thắng bạc được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền HĐH bị tạm giữ 7.700.000 đồng là tiền đánh bạc, HĐH chưa nộp tiền hồ.

HVS khai có 5.000.000 đồng dùng trả nợ cho NVT 2.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang HVS thắng bạc được 900.000 đồng. Tổng số tiền HVS bị tạm giữ 3.900.000 đồng là tiền đánh bạc, HVS chưa nộp tiền hồ.

NVĐ khai có 7.950.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 6.950.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVĐ bị thua bạc 200.000 đồng. Tổng số tiền NVĐ bị tạm giữ 7.750.000 đồng có 800.000 đồng là tiền đánh bạc còn 6.900.000 đồng không sử dụng đánh bạc, NVĐ chưa nộp tiền hồ.

NVN khai có 5.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVN bị thua bạc 4.200.000 đồng, bị tạm giữ 800.000 đồng là tiền đánh bạc, NVN đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

NVP khai có 16.070.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc, còn 14.870.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVP thắng bạc được 3.300.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 19.370.000 đồng, trong đó có 4.500.000 đồng là tiền đánh bạc còn 14.870.000 đồng không sử dụng đánh bạc, NVP đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

NVB khai có 3.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVB không thắng, không thua, số tiền bị tạm giữ 3.000.000 đồng là tiền đánh bạc, NVB chưa nộp tiền hồ.

NVĐ1 khai có 20.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 18.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVĐ1 bị thua bạc 1.800.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 18.200.000 đồng, trong đó có 200.000 đồng là tiền đánh bạc, còn 18.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, NVĐ1 chưa nộp tiền hồ.

NVH khai có 7.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi bị thua bạc NVH không sử dụng

5.000.000 đồng để đánh bạc tiếp mà vay của NVT 10.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 9.000.000 đồng NVH không sử dụng đánh bạc mà cất vào cùng số tiền 5.000.000 đồng để đi trả nợ. Khi công an vào bắt quả tang, NVH bỏ chạy và bị rơi mất 3.900.000 đồng, bị tạm giữ 11.100.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền NVH sử dụng đánh bạc là 3.000.000 đồng, NVH chưa nộp tiền hồ.

NVQ khai có 1.600.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVQ không thắng, không thua, bị tạm giữ 1.600.000 đồng là tiền đánh bạc, NVQ chưa nộp tiền hồ.

NVV khai có 7.100.000 đồng, sử dụng 2.100.000 đồng đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVV bị thua bạc 800.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 6.300.000 đồng, trong đó có 1.300.000 đồng là tiền đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, NVV nộp 300.000 đồng tiền hồ.

PNG khai có 400.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Sáng không thắng, không thua, bị tạm giữ 400.000 đồng là tiền đánh bạc, Sáng chưa nộp tiền hồ.

TVQ có 3.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, TVQ thắng bạc được 13.000.000 đồng, bị tạm giữ 16.000.000 đồng là tiền đánh bạc, TVQ đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

TXH khai có 20.700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, còn 20.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, TXH bị thua bạc 600.000 đồng, bị tạm giữ 20.100.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền đánh bạc còn 20.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, TXH đã nộp 200.000 đồng tiền hồ.

NVG khai có 10.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NVG để tiền dưới chiếu bạc và bị thu giữ nên không rõ thắng thua, NVG không bị thu giữ tiền, NVG đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

NTH có 102.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 100.000.000 đồng là tiền vợ đưa cho để đi trả nợ nên không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NTH bỏ chạy và nhặt tiền dưới chiếu bạc do các đối tượng bỏ chạy làm tung tóe tiền ra ngoài là 63.100.000 đồng, tổng số tiền bị tạm giữ 163.100.000 đồng, trong đó có 63.100.000 đồng là tiền các đối tượng đánh bạc để dưới chiếu bạc, còn 100.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, NTH đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

NTT khai có 10.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 8.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, NTT không thắng, không thua, bị tạm giữ 10.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000

đồng là tiền đánh bạc còn 8.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi đánh bạc, NTT nộp 300.000 đồng tiền hồ.

TVK khai có 19.500.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, còn 14.500.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, TVK bị thua bạc 5.000.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 14.500.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, TVK đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

HDM khai có 40.000.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, còn 35.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, HDM thắng bạc được 1.300.000 đồng, khi bỏ chạy nhặt được 15.000.000 đồng tiền dưới chiếu bạc do mọi người bỏ chạy đã làm tung tóe tiền ở dưới đất. Tổng số tiền bị tạm giữ 56.000.000 đồng, trong đó có 21.000.000 đồng là tiền đánh bạc và của các đối tượng sử dụng đánh bạc làm rơi, còn 35.000.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, HDM đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

HĐT khai có 21.000.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn 20.500.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, HĐT bị thua bạc 500.000 đồng, số tiền còn lại HĐT cầm chạy vào nhà vệ sinh, khi cầm tiền để gần ô thoáng nhà vệ sinh đã bị rơi ra ngoài 2.300.000 đồng. Bị tạm giữ 18.200.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, HĐT đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

PVG khai có 3.500.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, PVG bị thua bạc 700.000 đồng và bỏ chạy thì nhặt được 3.750.000 đồng tiền ở dưới chiếu bạc do mọi người bỏ chạy làm tung tóe dưới đất, số tiền bị tạm giữ 6.550.000 đồng là tiền đánh bạc và tiền của các đối tượng sử dụng đánh bạc, PVG đã nộp 200.000 đồng tiền hồ.

HDB khai có 30.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng để đánh bạc, còn 24.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, HDB bị thua bạc 5.900.000 đồng, bị tạm giữ 24.100.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền đánh bạc còn 24.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, HDB chưa nộp tiền hồ.

NVT không đánh bạc nhưng đến nhà TNT với mục đích xem có ai trong sới bạc có nhu cầu cầm cố tài sản hoặc vay tiền để đánh bạc thì NVT sẽ nhận cầm cố và cho vay tiền. Khi đến nhà TNT, NVT có 11.500.000 đồng. HVS trả nợ cho NVT 2.000.000 đồng, tổng số tiền NVT có là 13.500.000 đồng. Quá trình các đối tượng đánh bạc thì NVT có cho NVH vay 10.000.000 đồng để NVH đánh bạc. Khi công an bắt quả tang, NVT bị tạm giữ 3.500.000 đồng, NVT không phải nộp tiền hồ.

TNT khai, ngày 19/3/2018, do có ý định tổ chức đánh bạc tại nhà ở của mình nên TNT đã nhờ TNP làm cảnh giới khu vực tầng hầm, đóng mở cửa ở khu vực tầng hầm cho khách vào đánh bạc; TQT làm hồ lý, thuê VTH làm xóc

cái, TVH và TTT làm cảnh giới, đóng mở cửa ở khu vực ngoài cổng và khu vực cửa trong nhà cho khách vào đánh bạc. Chiều ngày 19/3/2018, VTH, TTT, TVH, TNP, TQT đến làm nhiệm vụ theo sự phân công của TNT nhưng do ngày này TNT chưa tổ chức được người đến đánh bạc nên chiều ngày 20/3/2018 TNT mới tổ chức được người đến đánh bạc thì bị bắt quả tang. Về số tiền hồ thu được, khi Công an vào bắt quả tang TNT đã làm rơi mất.

VTH, TQT, TNP, TVH, TTT đều khai nhận cùng TNT tổ chức đánh bạc cho các đối tượng như TNT khai;

Như vậy, tổng số tiền BVV, HÐH, HVS, NVÐ, NVN, NVP, NVB, NVÐ1, NVH, NVQ, HÐH, NVV, PNG, TVQ, TXH, NVG, NTH, NTT, TVK, HÐM, HÐT, PVG, HÐB sử dụng đánh bạc là 149.455.000 đồng (gồm 14.555.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang; 350.000 đồng của HÐH; 7.700.000 đồng của HÐH; 3.900.000 đồng của HVS; 800.000 đồng trong tổng số 7.750.000 đồng thu giữ của NVÐ; 800.000 đồng thu giữ của NVG; 4.500.000 đồng trong tổng số 19.370.000 đồng thu giữ của NVP; 3.000.000 đồng thu giữ của NVB; 200.000 đồng trong tổng số 18.200.000 đồng thu giữ của NVÐ1; 1.600.000 đồng thu giữ của NVQ; 1.300.000 đồng trong tổng số 6.300.000 đồng thu giữ của NVV; 400.000 đồng thu giữ của PNG; 16.000.000 đồng thu giữ của TVQ; 100.000 đồng trong tổng số 20.100.000 đồng thu giữ của TXH; 63.100.000 đồng trong tổng số 163.100.000 đồng thu giữ của NTH; 2.000.000 đồng trong tổng số 10.000.000 đồng thu giữ của NTT; 21.000.000 đồng trong tổng số 56.000.000 đồng thu giữ của HÐM; 6.550.000 đồng thu giữ của PVG; 100.000 đồng trong tổng số 24.100.000 đồng thu giữ của Bộ; 1.500.000 đồng trong tổng số 3.500.000 đồng thu giữ của NVT).

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

I. Tuyên bố: Các bị cáo TNT, TNP, TVH, TTT và TQT, VTH phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Các bị cáo NVG, HÐM, HÐB, TVK, NVN, HÐH, PVG, TVQ, NVB, NVH, HVS, BVV, NVV, NVÐ1, NTT, NTH, NVQ, NVÐ, NVP, TXH, HÐT, PNG, NVT phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng các điểm a, c, d Khoản 1, 3 Điều 322, Điểm s, t Khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với TNT.

Áp dụng các điểm a,c,d Khoản 1, 3 Điều 322, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với TQT.

Áp dụng các điểm a, c, d Khoản 1, 3 Điều 322, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với TNP và TVH.

Áp dụng các điểm a, c, d Khoản 1, 3 Điều 322, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với VTH.

Áp dụng các điểm a, c, d Khoản 1, 3 Điều 322, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với TTT.

Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321, điểm s,t khoản 1,2 Điều 51. Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với NVG.

Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với PVG, NVĐ, NVQ.

Áp dụng điểm b Khoản 1, 3 Điều 321, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự đối với HĐH.

Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với HĐM, HĐB, TVK, NTH, NVP, NVB, NVV.

Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321, điểm s,t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với NVN.

Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với NVH, BVV, NVĐ1, PNG, NTT, TVQ, HVS, TXH, HĐT, NVT.

II. Xử phạt:

1. Bị cáo TNT 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 12/4/2018;

Phạt bổ sung 25.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

2. Bị cáo VTH 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 12/4/2018;

Phạt bổ sung 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

3. Bị cáo TQT 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước .

4. Bị cáo TNP 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018

Phạt bổ sung 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

5. Bị cáo TVH 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

6. Bị cáo TTT 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

7. Bị cáo NVG 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 15.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

8. Bị cáo HDM 03 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 15.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

9. Bị cáo HDB 03 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 15.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

10. Bị cáo TVK 03 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 12.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

11. Bị cáo NVN 03 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 12.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

12. Bị cáo HDBH 03 năm 01 tháng tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2015 ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện YD, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 23/4/2015 đến ngày 02/6/2015 và từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 12.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

13. Bị cáo PVG 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

14. Bị cáo NTH 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

15. Bị cáo TVQ 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

16. Bị cáo NVB 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

17. Bị cáo NVH 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

18. Bị cáo HVS 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

19. Bị cáo BVV 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

20. Bị cáo NVV 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

21. Bị cáo NVĐ1 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

22. Bị cáo NTT 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

23. Bị cáo NVQ 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

24. Bị cáo NVĐ 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 21/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

25. Bị cáo NVP 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

26. Bị cáo TXH 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

27. Bị cáo HDT 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

28. Bị cáo PNG 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

29. Bị cáo NVT 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí, TVQ kháng cáo, TVQ thi hành án theo quy định.

Ngày 25/3/2019 các bị cáo TNT, TNP, TVH, VTH, TQT, HDM, PVG, NVV, HDH, TVK, NVĐ, NVN, NVG, NVB, NVP, NVQ, NTH kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo TNT, TNP, TVH, VTH, TQT, HDM, PVG, NVV, HDH, TVK, NVĐ, NVN, NVG, NVB, NVP, NVQ, NTH giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và trình bày:

Bị cáo TNT trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội tổ chức đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí theo bản án sơ thẩm tuyên. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo TNP trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội tổ chức đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên bị cáo có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo TQT trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội tổ chức đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí theo bản án sơ thẩm tuyên. Mặt khác bị cáo có công giúp cơ quan điều tra phá án. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo VTH trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội tổ chức đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên án sơ thẩm xử bị cáo 20 tháng tù là nặng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay khó khăn. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo TVH trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội tổ chức đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo thấy hối hận về hành vi của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay khó khăn. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo HDM trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có bố được thưởng huy chương. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo NVP trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Mặt khác tại cấp phúc thẩm bị cáo có NVT tiết mới là đã lập công giúp cơ quan điều tra phá án. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo PVG trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo hiện nay đang thờ cúng liệt sỹ. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo NVV trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo đã nộp án phí và tiền phạt như án sơ thẩm tuyên, bị cáo có công giúp công an huyện YD phá án. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo NVB trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Tuy nhiên hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo HDH trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo TVK trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã lập công giúp Công an tỉnh Bắc Giang phá án. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo NVĐ trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo NVN trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối

hận về hành vi của mình, bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí như cấp sơ thẩm tuyên. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo NVG trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo lần đầu phạm tội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đã nộp tiền phạt và án phí như án sơ thẩm tuyên. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo NVQ trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo có thời gian làm nhiệm vụ quốc tế, có lập công chuộc tội giúp cơ quan cảnh sát điều tra phá án. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo NTH trình bày: Án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng, không oan, hành vi của bị cáo như án sơ thẩm xác định là đúng. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có công giúp cơ quan cảnh sát điều tra phá án. Do vậy bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Án sơ thẩm xử các bị cáo là đúng người đúng tội và không oan.

Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo TQT: Bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, không đáng kể, tại cấp phúc thẩm có NVT tiết mới ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác bị cáo là anh em ruột với bị cáo TNT, TNP. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Đối với bị cáo NVG: Bị cáo phạm tội lần đầu, TTT khẩn khai báo, cơ nơi ở ổn định. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt tù xuống 3 năm tù và cho hưởng án treo.

Đối với các bị cáo: NVV, TVK, NVP, NTH, NVQ: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có NVT tiết giảm nhẹ mới là lập công chuộc tội theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho mỗi bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

Đối với các bị cáo khác có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử nghiên cứu áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự giảm hình phạt xuống 03 năm tù và cho bị cáo NVG được hưởng án treo; giữ nguyên hình phạt và chuyển án treo cho bị cáo TQT.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo: NVV, TVK, NVP, NTH, NVQ mỗi bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm đối với các bị cáo: TNT, TNP, VTH, TVH, HDM, PVG, NVB, HDM, NVĐ, NVN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy:

+ Về tội danh: Khoảng 14 giờ ngày 20/3/2018, tại nhà TNT, sinh năm 1977 ở Hương, TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. TNT, TQT, TTT, VTH, TNP, TVH cùng nhau tổ chức cho 24 đối tượng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức sóc đĩa, mức độ sát phạt thấp nhất từ 100.000, cao nhất 1.500.000 đồng, khi tổ chức đánh bạc, TNT phân công người canh gác, người sóc cái, người thu tiền hồ.

BVV, HDM, HVS, NVĐ, NVN, NVP, NVB, NVĐ1, NVH, NVQ, NVV, PNG, TVQ, TXH, NVG, NTH, NTT, TVK, HDM, HDT, PVG, HDB đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, mức độ sát phạt thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 1.500.000 đồng. Đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc là 14.555.000 đồng, 04 tấm thảm, 36 ghế nhựa, 04 mảnh đĩa sứ màu trắng; 09 mảnh bát sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn và một số vật chứng khác; Thu trên người các bị cáo 134.900.000 đồng tiền đánh bạc.

Kết quả điều tra xác định tổng số tiền BVV, HDM, HVS, NVĐ, NVN, NVP, NVB, NVĐ1, NVH, NVQ, NVV, PNG, TVQ, TXH, NVG, NTH, NTT, TVK, HDM, HDT, PVG, HDB sử dụng đánh bạc là 149.455.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2019 xét xử đối với bị cáo TNT, TQT, VTH, TVH về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015 và xét xử các bị cáo NVG, HDM, TVK, NVN, HDM, PVG, NVB, NVV, NTH, NVQ, NVĐ, NVP về tội “Đánh bạc”

theo điểm b khoản 2 Điều 321 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

+ Về hình phạt:

- Đối với bị cáo TNT: Bị cáo là người chủ mưu, người tổ chức đánh bạc, thuê người giúp sức và gọi các con bạc đến chơi bạc nhằm mục đích thu tiền hồ. Do vậy, án sơ thẩm xử bị cáo 02 năm tù là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với bị cáo TNP, TVH, VTH: Các bị cáo là người giúp sức, nhưng bị cáo TNP, TVH có tiền án, lần phạm tội này là tái phạm. Bị cáo VTH giúp sức tích cực (là người sóc cái). Do vậy án sơ thẩm xử các bị cáo là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với bị cáo HDM, PVG, NVB, HDM, NVĐ, NVN các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Tại cấp phúc thẩm đều không có tình tiết giảm nhẹ nào mới theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất vụ án và xử phạt các bị cáo là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với bị cáo TQT: Bị cáo là anh em ruột của bị cáo TNT, TNP, tham gia vụ án với vai trò giúp sức cho anh trai (TNT), tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới đó là giúp đỡ cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang phá án, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác ba anh em ruột là TNT, TNP, TQT. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của TNT, TNP. Vì vậy, để đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo TQT, không cần bắt buộc bị cáo cách ly với xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

- Đối với bị cáo NVG: Bị cáo tham gia đánh bạc tích cực nhưng lần phạm tội này là lần đầu, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ăn năm hồi cải, đã nộp án phí và tiền phạt đầy đủ, bị cáo có nơi ở ổn định, rõ ràng. Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo cách ly với xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo và chuyển án treo cho bị cáo.

- Đối với bị cáo NVV: Bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm đã xuất trình một số tình tiết giảm nhẹ mới, có đơn xin của Ủy ban nhân dân xã, nộp tiền phạt và án phí, có công giúp công an phá án. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận một phần kháng cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Đối với bị cáo TVK: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã ăn năn hối cải, đã lập công, giúp đỡ cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang phá án. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Đối với bị cáo NVP: Bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm cũng đã nộp tiền phạt và án phí, cũng giúp đỡ cơ quan cảnh sát điều tra phá án. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng chấp nhận một phần kháng cáo để giảm một phần kháng cáo cho bị cáo.

- Đối với bị cáo NTH: Bị cáo sau khi xét xử sơ thẩm đã ăn năn hối cải, có công cứu giúp người gặp nạn, tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới là giúp cơ quan điều tra phá án. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo NVQ: Sau khi xét xử sơ thẩm đã tích cực giúp cơ quan điều tra phán án, bị cáo là người có công trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 1653/QĐ-BTL ngày 06/10/2014 của Bộ Tư lệnh quân khu 1- Bộ Quốc phòng. Đây là các NVT tiết giảm nhẹ mới. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt đối với các bị cáo: NVQ, TVK, NVV, NTH, NVP như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của các bị cáo TNT, TNP, VTH, HDM, PVG, NVB, HDM, NVĐ, NVN không được chấp nhận nên bị các cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do bị cáo TVH thuộc hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do các bị cáo TQT, NVQ, NTH, TVK, NVN, NVV, NVP được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo: TNT, TNP, TVH, VTH, HDM, PVG, HDM, NVĐ, NVN, NVB.

Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo: NVV, TVK, NVP, NVQ, NTH.

Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo TQT, NVG.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: TNT, TNP, TVH, VTH, HDM, PVG, HDM, NVĐ, NVN, NVB, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.1 Căn cứ các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 322, Điểm s, t Khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với TNT.

Xử phạt: Bị cáo TNT 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 12/4/2018.

1.2 Căn cứ các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với TNP và TVH.

Xử phạt:

+ Bị cáo TNP 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018

+ Bị cáo TVH 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

1.3 Căn cứ các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với VTH.

Xử phạt: Bị cáo VTH 20 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 12/4/2018.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với PVG, NVĐ.

Xử phạt:

+ Bị cáo PVG 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018.

+ Bị cáo NVĐ 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 21/3/2018 đến 26/3/2018.

1.5 Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự đối với HDM.

Xử phạt: Bị cáo HÐH 03 năm 01 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2015 ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện YD, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 23/4/2015 đến ngày 02/6/2015 và từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

1.6 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với HÐM, NVB.

Xử phạt:

+ Bị cáo HÐM 03 năm 02 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

+ Bị cáo NVB 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

1.7 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s,t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với NVN.

Xử phạt: Bị cáo NVN 03 năm 01 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018.

[2] Chấp nhận kháng cáo và một phần kháng cáo của các bị cáo: TQT, NVG, NVV, TVK, NVP, NVQ, NTH, sửa bản án sơ thẩm.

2.1 Căn cứ các điểm a,c,d Khoản 1 Điều 322, Điểm s,t Khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với TQT.

Xử phạt: Bị cáo TQT 19 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (ba mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân TTTD, huyện YD, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s,t khoản 1,2 Điều 51. Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với NVG.

Xử phạt: Bị cáo NVG 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, t khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với NVQ, NTH, NVV, NVP, TVK.

Xử phạt:

+ Bị cáo NVQ 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

+ Bị cáo NTH 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018;

+ Bị cáo NVV 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

+ Bị cáo NVP 02 năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 26/3/2018.

+ Bị cáo TVK 02 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến 23/3/2018.

[3].

Xác nhận bị cáo TNT đã nộp 22.610.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/007450 ngày 18/4/2019.

Xác nhận bị cáo TQT đã nộp 14.315.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008051 ngày 22/4/2019 và số AA/2010/008060.

Xác nhận bị cáo TNP đã nộp 20.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008053 ngày 22/4/2019 và số AA/2010/008060.

Xác nhận bị cáo NVN đã nộp 12.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008052 ngày 18/6/2019.

Xác nhận bị cáo NVV đã nộp 10.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008056 ngày 18/6/2019 và số AA/2010/008060.

Xác nhận bị cáo NVG đã nộp 15.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008059 ngày 18/6/2019.

Xác nhận bị cáo NVP đã nộp 10.200.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số AA/2020/008061 ngày 18/6/2019.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo TNT, TNP, VTH, HDM, PVG, HĐH, NVĐ, NVN, NVB mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo NVN, TQT, NVQ, NTH, TVK, NVP, NVV không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo TVH.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thân Quốc Hùng